

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢN HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, chế biến thủy sản.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Số lượng hàng thủy sản chế biến và bán ra trong kỳ nhiều hơn so với các kỳ trước do:
- Công ty Cổ Phần Nam Việt (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng gia công để Công ty TNHH Ấn Độ Dương thực hiện sản xuất thành phẩm cá tra cho Công ty.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4-7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7
Tài sản cố định khác	3-6

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chi phí đền bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định của Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UB ngày 11 tháng 5 năm 2000, Công ty Cổ Phần Nam Việt có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản là 20% trên thu nhập chịu thuế, Công ty Cổ Phần Nam Việt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Cục thuế Tỉnh An Giang đã chấp nhận cho Công ty Cổ Phần Nam Việt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2002.

Trong các lần mở rộng sản xuất từ năm 2001 đến năm 2004, Công ty Cổ Phần Nam Việt đều được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các phần mở rộng sản xuất. Ngày 14 tháng 8 năm 2006, Công ty Cổ Phần Nam Việt có Công văn gửi cho Cục thuế Tỉnh An Giang kiến nghị để được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Ngày 28 tháng 11 năm 2006 trả lời chấp nhận Công ty Cổ Phần Nam Việt được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% cho các ưu đãi đầu tư cho các phần mở rộng sản xuất.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận theo thông tư 201/2009/TT- BTC.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010 của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt hợp nhất với báo cáo tài chính của 2 Công ty con là:

	% sở hữu trong giấy phép của công ty con
Công ty TNHH Ấn Độ Dương	100%
Công ty TNHH Cromit Nam Việt	51%

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Tiền mặt	1,574,735,006	2,614,824,371
Tiền gửi ngân hàng	20,411,013,726	28,085,928,075
Các khoản tương đương tiền	100,892,000,000	159,901,450,000
Cộng	<u>122,877,748,732</u>	<u>190,602,202,446</u>

2. Các khoản phải thu

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Phải thu trong nước	71,626,837,224	70,365,346,452
Phải thu nước ngoài	319,489,608,810	317,181,810,461
Phải thu nội bộ (*)	250,335,881,563	347,036,245,271
Cho vay nội bộ		0
Trả trước người bán	55,452,118,593	69,135,437,420
Các khoản phải thu khác	26,322,733,804	18,414,852,454
Dự phòng phải thu khó đòi	(32,148,057,800)	(32,148,057,800)
Cộng	<u>691,079,122,194</u>	<u>789,985,634,258</u>

(*) Các khoản phải thu nội bộ:

1- Phải thu bán các thành phẩm	116,014,994,458
2- Phải thu từ các khoản trả hộ	82,090,999,384
3- Phải thu phí XK uỷ thác	37,851,095,021
4- Phải thu vật tư cho mượn	11,512,195,051
5- Phải thu khác	2,866,597,649
	<u>250,335,881,563</u>

3. Hàng tồn kho

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Nguyên vật liệu	13,266,236,456	12,389,997,471
Công cụ dụng cụ	2,502,058,495	2,601,369,028
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15,762,049,401	11,712,281,737
Thành phẩm	338,285,108,636	325,852,645,779
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(68,542,299,975)	(68,542,299,975)
Cộng	<u>301,273,153,013</u>	<u>284,013,994,040</u>

4. Tài sản ngắn hạn khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Chi phí trả trước		28.036.000
Tạm ứng mua hàng	5,143,367,588	2.368.367.687
Thuế GTGT được khấu trừ	2,073,601,322	3,484,939,942
Cộng	<u>7,216,968,910</u>	<u>5,881,343,629</u>

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2009	221,977,233,454	386,824,839,379	47,859,808,533	9,656,759,791	666,318,641,157
Tăng trong kỳ		2,435,295,400		96,880,084	2,532,175,484
Tăng khác					
Giảm trong kỳ		(133,490,633)			(133,490,633)
Giảm khác					
Tại ngày 31/03/2010	221,977,233,454	389,126,644,146	47,859,808,533	9,753,639,875	668,717,326,008
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 31/12/2009	81,333,093,101	131,363,455,858	15,888,192,641	5,488,839,243	234,073,580,843
	7,662,899,199	13,834,344,038	1,964,387,753	570,200,426	24,031,831,416
Tăng trong kỳ					
Tăng khác					
Giảm trong kỳ		(133,490,633)			(133,490,633)
Giảm khác					
Tại ngày 31/03/2010	88,995,992,300	145,064,309,263	17,852,580,394	6,059,039,669	257,971,921,626
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	140,644,140,353	255,461,383,521	31,971,615,892	4,167,920,548	432,245,060,314
Số dư cuối quý	132,981,241,154	244,062,334,883	30,007,228,139	3,694,600,206	410,745,404,382

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phản mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2009	17,864,326,804	175,291,000	18,039,617,804
Tăng trong kỳ			
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 31/03/2010	<u>17.864.326.804</u>	<u>175.291.000</u>	<u>18.039.617.804</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 31/12/2009		143,177,198	143,177,198
Tăng trong kỳ		8,201,055	8,201,055
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 31/03/2010		151,378,253	151,378,253
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	17.864.326.804	32,113,802	17,896,440,606
Số dư cuối quý	17.864.326.804	23,912,747	17,888,239,551

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2009	<u>158,448,768,505</u>
Tăng trong kỳ	39,649,413,271
Giảm trong kỳ	200,630,214
Tại ngày 31/03/2010	<u>197,897,551,562</u>

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Đầu tư vào Cty liên kết (1*)	17,400,000,000	17.400.000.000
Đầu tư chứng khoán (2*)	155,200,000,000	155.200.000.000
Đầu tư trái phiếu (3*)	10,000,000	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác (4*)	78,200,000,000	78.200.000.000
DP giảm giá ĐTTTC dài hạn	(7,219,480,000)	(7.219.480.000)
Cộng	<u>243,590,520,000</u>	<u>243.590.520.000</u>

(*)Chi tiết tên các đơn vị được đầu tư:

	Vốn Đầu Tư	Số lượng	Mệnh giá
(1*) 1-Cty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	17.400.000.000		
(2*) 1- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long	20.200.000.000	2,000,000	10,000
2- Ngân Hàng TM CP Nông Thôn Mỹ Xuyên	135.000.000.000	5,400,000	10,000
(3*) Kho Bạc Nhà Nước Tỉnh An Giang	10.000.000	1,000	10,000
(4*) 1- Góp vốn thành lập Cty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43.200.000.000	4,000,000	10,000
2- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	20.000.000.000	200	100,000,000
3- Góp vốn Cty Tài chính CP Hoá chất Việt Nam	10.000.000.000	1,000,000	10,000
4- Góp vốn Cty CP Quản Lý Quỹ Hùng Việt	5.000.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

9. Tài sản dài hạn khác

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Chi phí trả trước dài hạn	505,861,542	297.979.396
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	57,936,226,624	57,936,226,624
Ký quỹ để đảm bảo tiền vay của Quỹ đầu tư phát triển	19,200,000,000	19.200.000.000
Cộng	<u>77,642,088,166</u>	<u>77,434,206,020</u>

10. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Ngân hàng đầu tư và phát triển	20,623,350,000	20.000.000.000
Ngân hàng Vietcombank An Giang		48.200.000.000
Ngân hàng Phát triển CN AG (Quỹ Hỗ Trợ)		71.000.000.000
Ngân hàng XNK Việt Nam-Eximbank	89,300,000,000	93.300.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội –CN AG	83,775,980,000	
Công ty Tài Chính Cổ phần Xi Măng	80,410,000,000	149.500.000.000
Công ty TNHH Biển Đông	4,800,000,000	4.800.000.000
Công ty Tài Chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	70,000,000,000	70.000.000.000
Cá nhân	674,840,000	17.058.840.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	15,838,455,264	24.581.697.664
Cộng	<u>365,422,625,264</u>	<u>498.440.537.664</u>

11. Phải trả người bán

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Phải trả trong nước	58,513,437,701	122.714.320.627
Phải trả nước ngoài	7,080,256,690	5.265.432.092
Cộng	<u>65,593,694,391</u>	<u>127,979,752,719</u>

12. Người mua trả tiền trước

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Khách hàng trong nước	4,682,886,540	7.069.626.113
Khách hàng nước ngoài	10,156,001,250	5.802.434.706
Cộng	<u>14,838,887,790</u>	<u>12,872,060,819</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Thuế GTGT	1,008,327,734	1.861.079.147
Thuế xuất nhập khẩu	1,758,401,566	1.424.051.582
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,973,883,885	3.973.883.885
Thuế thu nhập cá nhân	74,554,600	7.066.406
Cộng	<u>6,815,167,785</u>	<u>7,266,081,020</u>

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mớ cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Hàng chờ hoá đơn	2,198,932,210	3.039.718.696
Bảo hiểm xã hội phải nộp	596,330,095	563.673.773
Cổ tức phải trả	2,950,358,400	2.950.358.400
Nhận tiền đặc cộc của ngân hàng SHB	38,200,000,000	
Phải trả phải nộp khác	2,363,987,955	1.719.421.621
Cộng	<u>46,309,608,660</u>	<u>8.273.172.490</u>

16. Vay và nợ dài hạn

	<u>31/03/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Ngân hàng An Bình Cần Thơ	51,733,695,000	51.733.695.000
Cộng	<u>51,733,695,000</u>	<u>51.733.695.000</u>

Khoản vay An Bình Cần Thơ theo Hợp đồng vay số 0479/2007/HĐTD(14/09/2007)

Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Ấn Độ Dương

+ Số tiền vay : 270.000.000.000 VNĐ

+ Thời hạn vay : 6 năm

17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 31/12/2008	660.000.000.000	611.965.459.100	27.417.629.848	211,205,575,084	15,260,708,720
Tăng trong kỳ				29,294,140,662	
Giảm trong kỳ				9,282,797,362	664,123,735
Số dư tại ngày 31/12/2009	<u>660.000.000.000</u>	<u>611.965.459.100</u>	<u>27.417.629.848</u>	<u>231,216,918,384</u>	<u>14,596,584,985</u>

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND

Tổng số cổ phần : 66.000.000 CP

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần**

	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
Doanh thu thuần bán thành phẩm	353,928,627,214	250,390,303,182
Doanh thu thuần bán hàng hoá, dịch vụ	6,065,768,377	140,489,670,466
Cộng	<u>359,994,395,591</u>	<u>390,879,973,648</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	273,977,763,667	294,776,386,697
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	43,066,903,024	113,776,494,413
Cộng	<u>317,044,666,691</u>	<u>408,552,881,110</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4,088,887,549	1,708,821,246
Lãi chênh lệch tỷ giá	16,253,549,277	11,327,094,207
Cộng	<u>20,342,436,826</u>	<u>13,035,915,453</u>

4. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
Lãi vay	9,412,717,513	18,097,294,452
Lỗ chênh lệch tỷ giá	59,727,808	995,946,942
Cộng	<u>9,472,445,321</u>	<u>19,093,241,394</u>

5. Chi phí bán hàng

	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
Cước tàu, vận chuyển	21,529,048,888	22,614,725,046
Chi phí khác	6,572,497,950	8,353,713,823
Cộng	<u>28,101,546,838</u>	<u>30,968,438,869</u>

6. Chi phí QLDN

	Quý I năm 2010	Quý I năm 2009
Khấu hao	1,288,708,097	1,802,164,642
Chi phí quản lý khác	4,607,423,014	5,278,755,337
Cộng	<u>5,896,131,111</u>	<u>7,080,919,979</u>

Lập biểu

Kế toán trưởng

An Giang, ngày 31 tháng 03 năm 2010

Giám đốc tài chính

Dương Minh Phong**Doãn Văn Nho****Nguyễn Duy Nhứt**